TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1152/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
Về việc "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuân

2. Ông Vũ Trung Kiên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 850/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1961. Địa chỉ: đường P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Trí D, sinh năm 1961. Địa chỉ: đường P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H trình bày: Bà và ông Lê Trí D tự nguyện chung sống năm 1988 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 cấp ngày 28/01/1988 tại Uỷ ban nhân dân Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bản chính giấy kết hôn trong một lần cãi nhau đã xé bỏ.

Quá trình sống chung đến khoảng năm 2005 phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, cuộc sống vô cùng căng thẳng, ông D hay uống bia rượu và làm việc trên máy tính khuya bà không thể ngủ được nên vợ chồng sống riêng, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung, sức khỏe của bà không tốt, cuộc sống chung kéo dài sẽ dẫn đến tình trạng không tốt cho cả hai và con chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2005 đến nay. Mặc dù sống chung nhà nhưng mỗi người tự có cuộc sống riêng, không còn quan tâm

đến nhau. Các con chung đều đã lớn và không có ý kiến gì về hôn nhân của cha mẹ. Hiện nay, mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: có 02 con chung là Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 29/9/1990 và Lê Nguyễn Minh C, sinh ngày 25/12/1996. Cả 02 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Trí D trình bày:

Ông và bà H có quá trình kết hôn và chung sống như bà H đã trình bày là đúng.

Theo ông vợ chồng chung sống khoảng 30 năm, vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống, không có mâu thuẫn gì trầm trọng như bà H trình bày. Bản thân ông không đồng ý ly hôn với bà H vì không muốn gia đình tan vỡ. Ông sắp nghỉ hưu nên mong muốn vợ chồng có cơ hội hòa giải chung sống hạnh phúc với nhau và để cho con cái có một gia đình, ông đồng ý sẽ làm tất cả những gì theo ý thích của bà H vợ ông để vợ chồng tiếp tục chung sống.

Về con chung: có 02 con chung là Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 29/9/1990 và Lê Nguyễn Minh C, sinh ngày 25/12/1996, cả 02 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H và ông D không thống nhất ý kiến.

Tại phiên tòa:

Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Trí D; Về con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: tự thỏa thuận và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Trí D không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà H, ông mong muốn vợ chồng tiếp tục cùng chung sống lo lắng cho nhau; Về con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: tự thỏa thuận và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh H có đơn khởi kiện về việc ly hôn với ông Lê Trí D, địa chỉ: đường P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, quyển số 01 cấp ngày 28/01/1988 tại Uỷ ban nhân dân Phường S, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Lê Trí D là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải giữa bà H và ông D cùng thống nhất về con chung có 02 con là Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 29/9/1990 và Lê Nguyễn Minh C, sinh ngày 25/12/1996, cả 02 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung: tự thỏa thuận. Về nợ chung: không có. Do đó áp dụng Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản chung và nợ chung.

[3] Xét đề nghị của bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu được ly hôn ông Lê Trí D. Nhận thấy: Bà H và ông D kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2005 do tính tình không hợp nhau, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung. Phía ông D không đồng ý ly hôn với bà H vì không muốn gia đình tan vỡ. Sau thời gian Tòa án hòa giải, bà H kiên quyết ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, bà không thể tiếp tục nói chuyện và chung sống cùng ông D. Ông D trình bày rất muốn vợ chồng cùng ngồi bàn bạc hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng bà H hoàn toàn không hợp tác, không muốn nói chuyện với ông, do đó vợ chồng không thể hòa giải được.

Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn giữa bà H và ông D kéo dài đã lâu, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, không có biện pháp để hòa giải mâu thuẫn. Ngoài ra hai con chung đều đã thành niên và có ý kiến gửi đến Tòa án trình bày nguyện vọng là: cuộc sống của gia đình từ lâu không vui vẻ hạnh phúc, cha sống dưới nhà, mẹ sống trên lầu, hai người không có tiếng nói chung, các con chung đều đã lớn và cùng mong muốn cha mẹ sớm ly hôn để mỗi người đều có cuộc sống thoải mái, vui vẻ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông D kéo dài, trầm trọng đã lâu đến hôm nay vẫn không giải quyết được, vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống của riêng mình, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông D.

[4] Về án phí: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039026 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56 và 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Lê Trí D.

- Về con chung: có 02 (hai) con chung là Lê Nguyễn Minh N, sinh ngày 29/9/1990 và Lê Nguyễn Minh C, sinh ngày 25/12/1996, cả 02 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H và ông D tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Bà H và ông D xác nhận không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được tính vào tạm ứng án phí do bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039026 ngày 23/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H và ông D có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND Phường S, Quận M, TPHCM.
(Để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 16, quyển số 01 cấp ngày 28/01/1988)
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thụy Hồng Châu